

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày 06-11-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Loan

Bà Đỗ Thị Viện

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Bùi Trọng T, sinh ngày 28 tháng 9 năm 1999 tại Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Khu 2, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Trọng C và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 15-4-2020 đến ngày 24-4-2020 chuyển tạm giam; có mặt.

2. Đào Việt Tr, sinh ngày 18 tháng 8 năm 1999 tại Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: Thôn 5, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Khu 2, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; không có bố, con bà Đào Thị N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 15-4-2020 đến ngày 24-4-2020 chuyển tạm giam; có mặt.

3. Dương Hồng P, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2000 tại Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Khu 2, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Dương Văn P và bà Phạm Thị L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 16-4-2020 đến ngày 24-4-2020 chuyển tạm giam; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đào Việt Tr:* Bà Đỗ Phương Thúy - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Đinh Xuân B; vắng mặt.
2. Ông Nguyễn Văn T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 15-4-2020, khi T, P và Tr đang ngồi chơi tại khu vực sân để xe của nhà nghỉ Hải Đăng, khu 203 - Bộ Xây Dựng thuộc phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng thì T nhận được tin nhắn qua ứng dụng messenger của D (có số điện thoại 0369.303.598 - T không biết rõ tên tuổi, địa chỉ) với nội dung D nhờ T mua hộ 08 viên ma túy tổng hợp “kẹo”. T nói với P: *“Có thằng em nhờ mua hộ 08 viên kẹo, mày xem có chỗ nào thì lấy hộ tao”*. P hiểu là T nhờ P đi mua ma túy hộ cho bạn T. P đồng ý giúp T và lấy điện thoại di động của T để đăng nhập vào tài khoản Facebook cá nhân của P, rồi liên lạc với Tú (P không biết rõ tên tuổi, địa chỉ) qua ứng dụng messenger để hỏi mua 08 viên ma túy tổng hợp. Tú cho P số điện thoại của mình là 0946.958.798 và thông báo cho P biết 01 viên ma túy có giá 350.000 đồng, 08 viên là 2.800.000 đồng, tiền công chuyển ma túy xuống Đồ Sơn là 500.000 đồng, tổng cộng số tiền P phải thanh toán là 3.300.000 đồng. Lúc này Tuấn nói: *“Có nâng giá để bán lấy tiền chi tiêu chung không?”* thì P nói: *“Hay là nâng lên mỗi viên 100.000 đồng lấy tiền sinh hoạt”*. Tuấn và Tr đồng ý. T, Tr, P cùng bàn bạc, thống nhất với nhau sẽ bán lại cho D với giá 450.000 đồng/01 viên ma túy tổng hợp, 08 viên có giá 3.600.000 đồng, tiền công chuyển ma túy cho D là 400.000 đồng. Tổng cộng D phải trả cho T là 4.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch 700.000 đồng T, Tr, P sẽ tiêu chung.

T gọi điện cho D báo lại số tiền mua 08 viên ma túy tổng hợp là 4.000.000 đồng, yêu cầu D chuyển tiền trước, D đồng ý. Sau đó, Tuấn đưa cho P số điện thoại của D rồi P và D hẹn gặp nhau tại khu vực cây xăng Quán Ngọc thuộc Tổ 8, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng để D đưa tiền trước cho P. Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 15-4-2020, P điều khiển xe mô tô BKS 15M1-086.33 ra khu vực cây xăng Quán Ngọc để gặp D và lấy 4.000.000 đồng, sau đó quay về khu 203 Bộ Xây Dựng thuộc phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn.

Sau khi nhận tiền của D, P gọi điện cho Tú hẹn lấy 08 viên ma túy tổng hợp với giá đã thỏa thuận trước đó. Đến 19 giờ 00 phút cùng ngày, P gặp Tú tại khu vực ngã ba Hải Hà thuộc khu 1, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, P đưa cho Tú 3.300.000 đồng và nhận của Tú 08 viên ma túy tổng hợp đựng trong 01 túi nilon. P quay lại khu vực bếp của nhà nghỉ Hoàng Anh Gia Lai thuộc khu 203 -

Bộ Xây Dựng, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng gặp T và Tr. Tại đây, P cho túi nilon trong có chứa 08 viên ma túy vào 01 hộp diêm Thống Nhất và đưa cho T. Số tiền hưởng lợi 700.000 đồng từ việc bán ma túy, P đưa cho Tuấn số tiền 450.000 đồng, bản thân P giữ lại 250.000 đồng.

Đến khoảng 20 giờ ngày 15-4-2020, T điều khiển xe mô tô BKS 15M1-086.33 chở Tr ngồi sau để đưa số ma túy vừa mua được cho D. Tr nói với Tuấn đưa ma túy và số tiền 450.000 đồng cho Tr cầm vì sợ Tuấn điều khiển xe làm rơi. Trên đường đi đưa ma túy cho D thì Tr và Tuấn dùng số tiền do bán ma túy mà có mua 01 lọ tinh dầu thuốc lá của cửa hàng chị Mai Thị Hương sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ Vùng, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng với giá 150.000 đồng. Khi đến khu vực ngã ba Quán Ngọc, thuộc Tổ 8, Ngọc Xuyên, Đồ Sơn, Hải Phòng thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Do hoảng sợ, Tr vứt số ma túy đang cất giữ xuống đất.

Qua kiểm tra đã thu giữ tại vị trí cách xe của Tuấn và Tr khoảng 02 mét: 01 (một) bao diêm Thống Nhất, bên trong có 01 (một) túi nilon màu trắng, kích thước (6,5 x 4) cm, trong có chứa 08 viên nén màu xanh có kích thước (0,9 x 01) cm, hình đầu người. Tuấn và Tr khai nhận đây là ma túy “keo” (ma túy tổng hợp) được P mua, với mục đích để Tuấn, Tr và P bán cho người khác kiếm lời.

Tại bản Kết luận giám định số 191/KLGD ngày 20-4-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận đối với 08 viên nén màu xanh thu giữ của Tr và Tuấn: “08 viên nén màu xanh gửi giám định là ma túy, có khối lượng 2,94 gam, là loại MDMA”.

Bản Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 05-10-2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Bùi Trọng Tuấn, Đào Việt Tr, Dương Hồng P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 251, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T mức án từ 27 tháng đến 33 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tr mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù, bị cáo P mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù, đều về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) P bì niêm phong chứa số ma túy còn lại sau giám định; 01 (một) lọ tinh dầu hút thuốc lá điện tử.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, 01 ốp điện thoại, 300.000 đồng thu giữ của Tr, 250.000 đồng thu giữ của P và 150.000 đồng do chị H tự nguyện giao nộp.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo T và bị cáo P, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 01/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, gia đình bị cáo Tr thuộc hộ nghèo nên bị cáo Tr được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đào Việt Tr trình bày:* Hoàn toàn nhất trí về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như các điểm, khoản, điều luật áp dụng đối với bị cáo mà Viện Kiểm sát đã đề nghị. Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Tr được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do gia đình bị cáo Tr thuộc hộ nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để có thể sớm trở về hòa nhập với cộng đồng.

- Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố và luận tội; việc điều tra, truy tố, xét xử đối với các bị cáo là không oan sai; các bị cáo không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật. Các bị cáo đều nhận thức hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối hận và mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để có thể sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Bùi Trọng Tuấn, Đào Việt Tr, Dương

Hồng P khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ, bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Vào hồi 14 giờ ngày 15-4-2020, tại khu vực sân để xe nhà nghỉ Hải Đăng thuộc khu 2, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Bùi Trọng Tuấn, Đào Việt Tr, Dương Hồng P thống nhất với nhau về việc mua ma túy để bán cho người khác lấy tiền ăn tiêu, sau đó P là người đi lấy tiền trước của người mua ma túy rồi đi mua 08 viên ma túy MDMA với giá 3.300.000 đồng. Vào khoảng 20 giờ cùng ngày, tại khu vực Cây xăng Quán Ngọc thuộc Tổ 8, phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Cơ quan Công an quận Đồ Sơn bắt quả tang Bùi Trọng Tuấn, Đào Việt Tr đang cất giấu 08 viên ma túy MDMA có khối lượng 2,94 gam để bán cho người khác kiếm tiền sinh hoạt chung. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xét xử nghiêm nhằm mục đích giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo T cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc gia đình bị cáo T có cụ nội, ông ngoại đều là người có công với cách mạng, ông bà ngoại đều được tặng giấy khen của cơ quan Nhà nước nên bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Tr đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Xét thấy, các gia đình thuộc hộ nghèo được Nhà nước rất quan tâm, có những chính sách hỗ trợ đảm bảo đời sống, tạo điều kiện vươn lên thoát nghèo theo đúng quy định của pháp luật, nhưng khi đã vi phạm pháp luật thì mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, giàu nghèo, thành phần xã hội, địa vị xã hội... do đó bị cáo Tr không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[6] Về vai trò: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T là người liên hệ với D (đối tượng mua ma túy), nhận lời việc mua ma túy cho D và trực tiếp đi bán ma túy; bị cáo P là người liên hệ nhận tiền của D, liên hệ đi mua ma túy của Tú; bị cáo Tr là người cất giữ ma túy và đi bán ma túy cùng với T; các bị cáo đều thống nhất việc nâng giá bán kiếm lời lấy tiền chi tiêu chung, đều được hưởng lợi từ việc mua bán ma túy. Bị cáo T là người nhận lời mua bán ma túy cho D nên có vai trò cao hơn bị cáo P và bị cáo Tr. Bị cáo P và bị cáo Tr đều có hành vi giúp sức để thực hiện việc mua bán ma túy nên có vai trò ngang nhau.

[7] Về hình phạt: Các bị cáo có hành vi bán trái phép 08 viên ma túy loại MDMA có khối lượng 2,94 gam thu lời 700.000 đồng. Các bị cáo phạm tội nghiêm trọng nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân thân các bị cáo, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, đều phạm tội lần đầu, việc phạm tội cũng là do bột phát, đều chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần xem xét để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình. Bị cáo T có vai trò cao hơn bị cáo P và bị cáo Tr, nên mức hình phạt phải cao hơn bị cáo P và bị cáo Tr, tuy nhiên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cũng cần xem xét khi lượng hình đối với bị cáo T.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đều quy định “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, xét thấy các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định, gia đình bị cáo Tr thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Chị H tự nguyện giao nộp số tiền bán lọ tinh dầu hút thuốc lá điện tử cho Tr cho Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an quận Đồ Sơn và không yêu cầu bị cáo Tr phải bồi thường dân sự nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 (một) phong bì niêm phong chứa số ma túy còn lại sau giám định là chất cấm lưu hành, 01 (một) lọ tinh dầu hút thuốc lá điện tử không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, 01 ốp điện thoại là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để phạm tội và số tiền 700.000 đồng thu lợi bất chính gồm 300.000 đồng thu giữ của Tr, 250.000 đồng thu giữ của P và 150.000 đồng do chị H tự nguyện giao nộp cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với chiếc xe mô tô BKS 15M1-086.33, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với D là người mua ma túy của T, Tú là người bán ma túy cho P hiện không xác định được lai lịch, địa chỉ. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an quận Đồ Sơn không có căn cứ để điều tra làm rõ.

[13] Về hai số điện thoại liên lạc mua bán ma túy với các bị cáo là 0369.303.598 và 0946.958.798, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn đã xác minh hai người đứng tên thuê bao không sử dụng 02 số điện thoại trên, không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo nên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an quận Đồ Sơn không có cơ sở để xử lý.

[14] Về án phí: Bị cáo T và bị cáo P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Gia đình bị cáo Tr thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Trọng T 27 (*Hai mươi bảy*) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 15-4-2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đào Việt Tr 27 (*Hai mươi bảy*) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 15-4-2020.

Xử phạt bị cáo Dương Hồng P 27 (*Hai mươi bảy*) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 16-4-2020.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong chứa số ma túy còn lại sau giám định số 191/2020/PC09; 01 (một) lọ tinh dầu hút thuốc lá điện tử.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, 01 ốp điện thoại, 300.000 đồng thu giữ của Tr, 250.000 đồng thu giữ của P và 150.000 đồng do chị H tự nguyện giao nộp.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 08-10-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và Biên lai thu tiền số AA/2010/6275 ngày 08-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn).

- Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo T phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo P phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Tr.

- Về quyền kháng cáo bản án:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PC10, PV06);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy Khoa